

Công ty Cổ phần VINA VICO

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	8

Công ty Cổ phần Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VINAVICO (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần VINAVICO là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008626 ngày 6 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi nhiều lần để tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30 tỷ đồng.

Theo biên bản họp hội đồng quản trị ngày 8 tháng 12 năm 2009, Hội đồng Quản trị chủ trương tăng vốn điều lệ lên 92 tỷ đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

Xây dựng và kinh doanh nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng cho thuê; Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; San lấp mặt bằng, bốc xúc đất đá khai thác mỏ; Xây lắp các công trình điện đến 110 KV;

Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, giao thông, thủy điện; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá; Khai thác, buôn bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách; Kinh doanh các sản phẩm cơ khí, điện tử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị; Thiết kế tạo mẫu quảng cáo và dịch vụ quảng cáo thương mại (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Kinh doanh, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Ủy thác xuất nhập khẩu; Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư chứng khoán); Sản xuất, thiết kế phần mềm; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư khai thác mỏ; Cung cấp các dịch vụ phụ trợ cho ngành xây dựng, khai thác mỏ (trừ dịch vụ Nhà nước cấm);

Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các công trình; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị liên lạc;

Bán buôn mô tô, xe máy; Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn ô tô con (loại 12 ngồi trở xuống); Bán lẻ ô tô con (loại 12 ngồi trở xuống); Bán buôn máy tính và thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;

Trong năm 2009, hoạt động chủ yếu của Công ty là Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện và cho thuê phương tiện vận tải.

Công ty Cổ phần Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 15 nhân viên (2008: 15 nhân viên).

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Chủ tịch	1 tháng 1 năm 2008	-
Ông Hoàng Anh	Phó chủ tịch	5 tháng 5 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Ủy viên	1 tháng 1 năm 2008	1 tháng 11 năm 2009
Ông Nguyễn Đức Hiếu	Ủy viên	5 tháng 5 năm 2006	-
Ông Mai Hồng Bằng	Ủy viên	5 tháng 5 năm 2006	-

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc	5 tháng 5 năm 2006	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	1 tháng 12 năm 2009	-
Ông Đinh Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	1 tháng 12 năm 2009	-
Ông Ngô Bá Gắng	Phó Tổng Giám đốc	1 tháng 12 năm 2009	-
Ông Đỗ Đức Việt	Kế toán trưởng	1 tháng 4 năm 2007	31 tháng 3 năm 2009

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Công ty tăng vốn điều lệ lên 92 tỷ đồng vào quý 1 năm 2010.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Mai Hồng Bằng Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VINAVICO, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

MAI HỒNG BẰNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 09-01-116

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần VINA VICO**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần VINA VICO (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 4 đến trang 24. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VINA VICO tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

PHẠM THẾ HÙNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

HÀ NỘI
Ngày 26 tháng 3 năm 2010

Công ty Cổ phần VINA VICO

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
A. Tài sản ngắn hạn	100		30.570.410.984	13.617.461.364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.017.943.871	1.923.029.150
1. Tiền	111	3	7.017.943.871	1.923.029.150
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	11.273.394.175	4.471.437.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.273.394.175	4.471.437.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.205.099.313	5.034.510.374
1. Phải thu khách hàng	131		6.370.458.105	3.159.397.774
2. Trả trước cho người bán	132		2.472.630.032	1.790.219.600
5. Các khoản phải thu khác	135		362.011.176	84.893.000
IV. Hàng tồn kho			212.978.221	-
1. Hàng tồn kho	141		212.978.221	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.860.995.404	2.188.484.840
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	32.212.249	12.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		307.832.588	31.007.600
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	2.520.950.567	2.145.477.240
B. Tài sản dài hạn	200		24.569.595.790	8.243.055.437
II. Tài sản cố định	220		13.808.557.741	2.238.818.533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.035.465.311	1.034.273.079
- Nguyên giá	222		1.288.379.626	1.360.662.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.914.315)	(326.389.548)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	12.773.092.430	1.204.545.454
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.750.852.000	5.946.092.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9	10.750.852.000	5.946.092.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.186.049	58.144.904
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.186.049	58.144.904
Tổng cộng tài sản	270		55.140.006.774	21.860.516.801

Công ty Cổ phần VINA VICO

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
A. Nợ phải trả	300		3.070.036.672	599.668.105
I. Nợ ngắn hạn	310		1.927.786.672	415.168.105
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	692.250.000	228.250.000
2. Phải trả người bán	312		227.806.430	30.195.000
3. Người mua trả tiền trước	313		610.418.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	249.177.542	105.394.105
5. Phải trả người lao động	315		148.134.700	51.329.000
II. Nợ dài hạn	330		1.142.250.000	184.500.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	11	1.142.250.000	184.500.000
B. Vốn chủ sở hữu	400		52.069.970.102	21.260.848.696
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	52.069.970.102	21.260.848.696
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.368.180.000	21.244.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.256.680.000	286.680.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(746.200.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.511.438	4.511.438
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.440.598.664	471.837.258
Tổng cộng nguồn vốn	440		55.140.006.774	21.860.516.801

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 3 năm 2010

MAI HỒNG BÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH
Kế toán

Công ty Cổ phần VINAVICO

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu	01	14	12.382.987.028	3.245.714.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		12.382.987.028	3.245.714.286
4. Giá vốn hàng bán	11	15	(11.450.720.169)	(1.096.097.989)
5. Lợi nhuận gộp	20		932.266.859	2.149.616.297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	3.465.360.295	668.099.991
7. Chi phí tài chính	22	17	(3.319.608.363)	(743.778.809)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>(79.490.881)</i>	<i>(61.981.816)</i>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	(137.026.727)	(1.783.637.318)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		940.992.064	290.300.161
11. Thu nhập khác	31	19	652.380.952	2.396.000
12. Chi phí khác	32	20	(485.569.942)	(259.235)
13. Lợi nhuận khác	40		166.811.010	2.136.765
14. Lợi nhuận trước thuế	50		1.107.803.074	292.436.926
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	12	(139.041.668)	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		968.761.406	292.436.926
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	426	141

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 3 năm 2010

MAI HỒNG BÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH
Kế toán

Công ty Cổ phần VINAVICO

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.107.803.074	292.436.926
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	246.940.966	349.986.143
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(3.454.921.305)	11.301.002
Chi phí lãi vay	06	79.490.881	61.981.816
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.020.686.384)	715.705.887
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(4.821.607.254)	(724.382.120)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(212.978.221)	
Thay đổi các khoản phải trả	11	909.576.899	81.123.000
Thay đổi chi phí trả trước	12	(20.212.249)	(12.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	13	(79.490.881)	(61.981.816)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(105.684.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.245.398.090)	(107.219.374)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(5.050.761.261)	(1.233.920.772)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	652.380.952	
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.666.700.000)	(6.086.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.330.700.000	5.222.000.000
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.086.744.175)	(3.694.277.000)
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	6.816.027.000	5.391.000.000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.284.580.295	105.335.323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.720.517.189)	(295.862.449)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành cổ phiếu	31	22.639.080.000	2.448.000.000
2. Chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(746.200.000)
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.439.134.310	236.000.000
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(3.017.384.310)	(442.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.060.830.000	1.495.550.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.094.914.721	1.092.468.177
Tiền tồn đầu năm	60	1.923.029.150	830.560.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối năm	70	7.017.943.871	1.923.029.150

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 3 năm 2010

MAI HỒNG BÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH
Kế toán

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Công ty Cổ phần VINAVICO là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008626 ngày 6 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi nhiều lần để tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30 tỷ đồng.

Theo biên bản họp hội đồng quản trị ngày 8 tháng 12 năm 2009, Hội đồng Quản trị chủ trương tăng vốn điều lệ lên 92 tỷ đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

Xây dựng và kinh doanh nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng cho thuê; Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; San lấp mặt bằng, bốc xúc đất đá khai thác mỏ; Xây lắp các công trình điện đến 110 KV;

Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, giao thông, thủy điện; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá; Khai thác, buôn bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách; Kinh doanh các sản phẩm cơ khí, điện tử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị; Thiết kế tạo mẫu quảng cáo và dịch vụ quảng cáo thương mại (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Kinh doanh, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Ủy thác xuất nhập khẩu; Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận uỷ thác đầu tư chứng khoán); Sản xuất, thiết kế phần mềm; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư khai thác mỏ; Cung cấp các dịch vụ phụ trợ cho ngành xây dựng, khai thác mỏ (trừ dịch vụ Nhà nước cấm);

Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các công trình; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị liên lạc;

Bán buôn mô tô, xe máy; Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn ô tô con (loại 12 ngồi trở xuống); Bán lẻ ô tô con (loại 12 ngồi trở xuống); Bán buôn máy tính và thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;

Trong năm 2009, hoạt động chủ yếu của Công ty là Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện và cho thuê phương tiện vận tải.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu số tiền này với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Công ty Cổ phần VINA VICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	6 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.9. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Công ty Cổ phần VINA VICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm:

- (a) Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- (b) Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- (c) Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- (d) Chi phí tài chính của tài sản thuê tài chính.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.11. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 2 đến 4 năm:

- Chi phí thuê không gian website;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn.

2.12. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Công ty Cổ phần VINA VICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế vốn góp.

a) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phần mua lại được phân loại là các cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn hợp pháp của từng cổ đông.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Công ty Cổ phần VINA VICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

d) Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hóa đơn, tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký trong đó quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

Các khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hóa đơn, tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận là khoản phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bản cân đối kế toán.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.18. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.19. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Tiền mặt	2.645.762	140.868.789
Tiền gửi ngân hàng	7.015.298.109	1.782.160.361
	7.017.943.871	1.923.029.150

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	Ghi chú	31.12.2009		31.12.2008	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm (CTN)	HNX	127.300	3.270.314.175	14.000	167.330.000
Cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Sài Gòn Thương tín (STB)	HOSE	18	80.000	16.468	1.320.280.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	HOSE	-	-	3.000	361.220.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Nam (PGS)	HNX	-	-	5.000	288.200.000
Cổ phiếu của Công ty Cp Đá ốp lát VINACONEC (VCS)	HNX	-	-	7.500	207.940.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cáp và vật liệu Viễn Thông (SAM)	HOSE	-	-	6.000	157.367.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anphanam (ALP)	HOSE	-	-	2.600	156.000.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (SD9)	HNX	-	-	1.000	69.700.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (TLC)	HNX	-	-	1.000	53.000.000
Cổ phiếu của Công ty CP Ngân Sơn (NST)	HNX	-	-	800	23.400.000
Cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mở Vinavico	-	-	6.500.000.000	-	-
Cho vay Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ CNC Việt Nam	-	-	1.000.000.000	-	-
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Giao Thông	-	-	-	-	1.136.000.000
Cho vay Công ty Cổ phần Vận tải và Thi công Cơ giới Thái Bình	-	-	503.000.000	-	503.000.000
Cho vay đối tượng khác	-	-	-	-	28.000.000
			11.273.394.175		4.471.437.000

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Chi phí thuê văn phòng	12.000.000	18.000.000	(30.000.000)	-
Công cụ dụng cụ	-	58.455.713	(30.821.567)	27.634.146
Chi phí trả trước tiền bảo hiểm xe ô tô	-	30.255.492	(25.677.389)	4.578.103
	12.000.000	106.711.205	(86.498.956)	32.212.249

6. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Tạm ứng	2.500.350.567	2.124.877.240
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.600.000	20.600.000
	2.520.950.567	2.145.477.240

7. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải (*)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	1.246.541.572	114.121.055	1.360.662.627
Tăng trong năm	141.271.428	524.761.905	16.180.952	682.214.285
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	141.271.428	524.761.905	16.180.952	682.214.285
Giảm trong năm	-	(754.497.286)	-	(754.497.286)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(754.497.286)	-	(754.497.286)
Số dư cuối năm	141.271.428	1.016.806.191	130.302.007	1.288.379.626
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	-	271.088.122	55.301.426	326.389.548
Tăng trong năm	10.455.555	161.463.359	27.063.197	198.982.111
Giảm trong năm	-	(272.457.344)	-	(272.457.344)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(272.457.344)	-	(272.457.344)
Số dư cuối năm	10.455.555	160.094.137	82.364.623	252.914.315
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	975.453.450	58.819.629	1.034.273.079
Số dư cuối năm	130.815.873	856.712.054	47.937.384	1.035.465.311

(*) Giá trị còn lại của Xe ô tô Ford Everest được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay trung hạn Công ty nhận được là 369 triệu đồng theo hợp đồng tín dụng số 10284 ngày 19 tháng 12 năm 2007.

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số dư cuối năm
Dự án mỏ đá trắng Yên Bái	1.204.545.454	11.568.546.976	-	12.773.092.430
	1.204.545.454	11.568.546.976	-	12.773.092.430

9. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	Ghi chú	31.12.2009		31.12.2008	
		Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	OTC	100.000	4.522.500.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy Lợi II	OTC	12.052	2.096.000.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	-	50.000	1.000.000.000	50.000	1.000.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	OTC	34.285	849.990.000	34.285	849.990.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng	OTC	52.883	770.362.000	52.883	770.362.000
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	OTC	1.320	732.000.000	1.320	732.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ CNC Việt Nam	OTC	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Truyền thông Nam Việt	OTC	25.000	250.000.000	15.000	150.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam	OTC	15.000	150.000.000	15.000	150.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Truyền thông Vinavico	OTC	8.000	80.000.000	8.000	80.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB)	HOSE	-	-	8.000	871.700.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (CTM)	HNX	-	-	30.000	300.000.000
Các cổ phiếu khác	OTC	-	-	8.204	142.040.000
Ủy thác đầu tư Ông Mai Hồng Bàng	-	-	-	-	600.000.000
			10.750.852.000		5.946.092.000

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Chi phí thuê không gian website	30.728.250	-	(30.128.250)	600.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng giá trị lớn	9.517.459	-	(9.517.459)	-
Chi phí trả trước tiền bảo hiểm xe ô tô	17.899.195	-	(8.313.146)	9.586.049
	58.144.904	-	(47.958.855)	10.186.049

11. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Vay ngắn hạn	-	136.000.000
Vay cá nhân	-	136.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	692.250.000	92.250.000
Vay ngân hàng	692.250.000	92.250.000
Vay dài hạn	1.142.250.000	184.500.000
Vay ngân hàng	1.142.250.000	184.500.000
	1.834.500.000	412.750.000

Chi tiết các khoản vay

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn Trả nợ	Lãi suất (%/tháng)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2009
Vay ngân hàng					
Ngân hàng Techcombank	48	14.2.2011	1,07%	Tài sản	184.500.000
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga	36	1.8.2012	0,875%	Tài sản	1.650.000.000
					1.834.500.000

12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm Trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	31.007.600	992.681.764	(715.856.776)	307.832.588
	31.007.600	992.681.764	(715.856.776)	307.832.588
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	715.856.776	(715.856.776)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	105.394.105	139.041.668	-	244.435.773
Các loại thuế khác	-	7.741.769	(3.000.000)	4.741.769
	105.394.105	862.640.213	(718.856.776)	249.177.542

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng dịch vụ như sau:

Dịch vụ	Thuế suất
Doanh thu xây lắp	10%
Doanh thu bán hàng hoá	5%
Dịch vụ vận chuyển	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2009	2008
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.107.803.074	292,436,926
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	(219.234.000)	(386.482.182)
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(219.234.000)	(386.482.182)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	888.569.074	(94,045,256)
Lỗ năm trước chuyển sang	(94.045.256)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	794.523.818	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	139.041.668	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	105.394.105	105.394.105
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	244.435.773	105.394.105

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

13. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Nội dung	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lãi lũy kế	Tổng cộng
Số dư 1.1.2008	18.000.000.000	61.400.000	-	4.511.438	1.200.700.332	19.266.611.770
Tăng vốn trong năm	2.222.720.000	225.280.000	-	-	-	2.448.000.000
Bổ sung vốn bằng cổ tức được chia	1.021.300.000	-	-	-	(1.021.300.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(746.200.000)	-	-	(746.200.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	292.436.926	292.436.926
Số dư 31.12.2008	21.244.020.000	286.680.000	(746.200.000)	4.511.438	471.837.258	21.260.848.696
Tăng vốn trong năm	27.124.160.000	1.970.000.000	-	-	-	29.094.160.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	746.200.000	-	-	746.200.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	968.761.406	968.761.406
Số dư 31.12.2009	48.368.180.000	2.256.680.000	-	4.511.438	1.440.598.664	52.069.970.102

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiết vốn cổ phần

Cổ đông	Vốn cổ phần thường	
	31.12.2009	31.12.2008
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico	12.500.000.000	-
Ông Lê Quốc Hưng	7.000.000.000	-
Ông Trần Ngọc Tuấn	8.400.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hải	3.984.240.000	63.910.000
Ông Hoàng Anh	1.853.770.000	1.853.770.000
Ông Mai Hồng Bằng	1.649.550.000	1.649.550.000
Ông Nguyễn Đức Hiếu	1.065.550.000	1.065.550.000
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	945.270.000	745.270.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	-	1.914.030.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần nhà Hà Nội	-	1.916.180.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng	-	1.338.040.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	-	1.913.410.000
Ông Dương Cao Sơn	-	1.000.000.000
Cổ đông khác	10.969.800.000	7.784.310.000
Số cuối năm	48.368.180.000	21.244.020.000

Vốn góp

Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

Nội dung	2009	2008
Vốn cổ phần đầu năm	21.244.020.000	18.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	27.124.160.000	3.244.020.000
Vốn cổ phần cuối năm	48.368.180.000	21.244.020.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.021.300.000
---------------------------	---	---------------

Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.836.818	2.124.402
Cổ phiếu thường	4.836.818	2.124.402
Số lượng cổ phiếu mua lại		
Cổ phiếu thường	-	(74.600)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.836.818	2.049.802
Cổ phiếu thường	4.836.818	2.049.802

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

14. Doanh thu

Nội dung	2009	2008
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	1.238.930.751	-
Doanh thu bán hàng hoá	11.101.219.514	-
Doanh thu hoạt động khác	42.836.763	3.245.714.286
	12.382.987.028	3.245.714.286

15. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2009	2008
Giá vốn của hoạt động xây lắp	1.294.090.092	-
Giá vốn bán hàng hoá	10.114.538.616	-
Giá vốn hoạt động khác	42.091.461	1.096.097.989
	11.450.720.169	1.096.097.989

16. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2009	2008
Lãi đầu tư chứng khoán	3.210.904.554	176.282.486
Cổ tức, lợi nhuận được chia	219.234.000	386.482.182
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.221.741	105.335.323
	3.465.360.295	668.099.991

17. Chi phí tài chính

Nội dung	2009	2008
Lỗ đầu tư chứng khoán	3.240.117.482	680.000.000
Lãi tiền vay	79.490.881	61.981.816
Chi phí tài chính khác	-	1.796.993
	3.319.608.363	743.778.809

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2009	2008
Chi phí nhân viên quản lý	45.358.190	867.277.731
Chi phí vật liệu quản lý	1.045.235	35.185.029
Chi phí khấu hao	7.891.110	183.565.513
Thuế, phí và lệ phí	2.813.912	63.601.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.888.493	490.529.716
Chi phí khác	40.029.787	143.477.584
	137.026.727	1.783.637.318

Công ty Cổ phần VINAVICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

19. Thu nhập khác

Nội dung	2009	2008
Thanh lý tài sản cố định	652.380.952	-
Thu nhập khác	-	2.396.000
	652.380.952	2.396.000

20. Chi phí khác

Nội dung	2009	2008
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	482.039.942	-
Chi phí khác	3.530.000	259.235
	485.569.942	259.235

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:

Nội dung	2009	2008
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	968.761.406	292.436.926
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	968.761.406	292.436.926
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	2.049.802	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	226.035	239.294
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	(31.092)
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	2.275.837	2.070.385
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	426	141

22. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	6.500.000.000
		Thu hồi đầu tư dài hạn	(300.000.000)
		Nhận vốn góp vốn	15.500.000.000
		Trả lại vốn góp	(3.000.000.000)
		Doanh thu xây lắp	1.362.823.826
		Doanh thu bán xe	3.870.798.750
		Mua nhiên liệu	(603.164.471)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản đầu tư ngắn hạn và phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/(phải trả)
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico	Công ty liên kết	Bán hàng	4.130.458.105
Đầu tư ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	6.500.000.000

Công ty Cổ phần VINA VICO

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

23. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2010.

MAI HỒNG BÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH
Kế toán